

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN HD **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH BL

Bản án số: 38/2023/DS-ST
Ngày: 10/7/2023
(V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HD - TỈNH BL

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lại Thiện Phong và ông Nguyễn Thành

Đến

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhã Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện HD, tỉnh BL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HD tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Kha, Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HD xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Ông Danh S, sinh năm 1963

Địa chỉ: ấp DST, xã LN, huyện HD, tỉnh BL

Bị đơn: Ông Mai Văn T, sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp BH, thị trấn ND, huyện HD, tỉnh BL

(Ông S có mặt tại phiên tòa; Ông T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 13/01/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Danh S trình bày: Vào ngày 18/4/2018 (dương lịch), ông có nhờ ông Mai Văn T đi cùng ông đến Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt Hậu Giang để hướng dẫn ông làm thủ tục thế chấp quyền sử dụng đất để vay số tiền vốn 290.000.000 đồng. Ông và ông T có thỏa thuận trước với nhau là nếu ông vay được tiền ông sẽ cho ông T vay kè (ông đứng tên vay sau đó đưa lại cho ông T vay) số tiền là 140.000.000 đồng và 3 tháng ông T sẽ đưa cho ông số tiền lãi là 4.500.000 đồng để ông đi đóng lãi cho Ngân hàng, sau 3 năm ông T phải trả cho ông số tiền 140.000.000 đồng để ông trả cho Ngân hàng và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông về. Sau khi nhận được tiền vay của Ngân hàng thì ông là người trực tiếp đưa số tiền này và ông T là người trực tiếp nhận của ông số tiền

này, việc ông T nhận tiền của ông thì có làm biên nhận viết tay, ông T là người viết và ký tên vào biên nhận này, sau khi vay của ông số tiền này thì ông T có gửi đóng lãi cho ông được số tiền 9.000.000 đồng, từ đó cho đến nay thì ông T không có đóng lãi hay trả tiền gốc cho ông. Mặc dù ông đã nhiều lần đòi ông T giao trả nhưng ông T cứ hứa chứ không thực hiện. Nay ông khởi kiện yêu cầu ông Mai Văn T có nghĩa vụ giao trả cho ông số tiền vay gốc là 140.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử vụ án. Ngoài ra ông không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Mai Văn T trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 17/4/2023: Vào ngày 18/4/2018 (dương lịch), ông S có cho ông mượn số tiền là 140.000.000 đồng, việc ông S cho ông mượn tiền có làm biên nhận, ông có ký tên vào biên nhận, hai bên không thỏa thuận tính lãi suất, nhưng do ông thấy ông S vay tiền của Ngân hàng cũng đóng lãi nên ông có nói mỗi tháng sẽ trả cho ông S 4.000.000 đồng tiền lãi, ông đã trả cho ông S số tiền lãi 3 tháng với số tiền là 12.000.000 đồng, sau đó thì ông không đóng lãi cho ông S và cũng chưa trả được cho ông S số tiền gốc nào. Ông thừa nhận có mượn của ông S số tiền 140.000.000 đồng, ông đồng ý trả cho ông S số tiền này nhưng hiện ông đang gặp khó khăn nên không thể trả cho ông S một lần hết số tiền này được ông xin được trả dần. Đối với số tiền lãi ông đã trả cho ông S thì ông không yêu cầu xem xét, còn số tiền lãi ông S yêu cầu ông trả kể từ ngày vay cho đến nay là 55 tháng với số tiền là 82.500.000 đồng là ông không đồng ý, vì thực tế khi ông nhận số tiền 140.000.000 đồng từ ông S thì ông có đưa lại cho ông Lưu Văn D mượn số tiền 60.000.000 đồng, đưa cho bà H số tiền 20.000.000 đồng, ông chỉ còn số tiền 60.000.000 đồng. Do đó, ông S yêu cầu tính lãi suất trên số tiền vốn là 140.000.000 đồng là thiệt thòi cho ông. Ông yêu cầu Tòa án xem xét đối với yêu cầu tính lãi suất của ông S đối với số tiền gốc là 140.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HD tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành nghiêm giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Danh S đối với ông Mai Văn T. Buộc ông Mai Văn T có nghĩa vụ thanh toán trả cho ông Danh S số tiền vay gốc là 140.000.000 đồng và tiền lãi là 72.896.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Danh S không phải chịu, buộc ông Mai Văn T phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa,

trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của ông Danh S đối với ông Mai Văn T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản; Bị đơn ông Mai Văn T có địa chỉ thường trú tại huyện HD, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HD.

Ông Mai Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng ông T vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Mai Văn T.

[2] Về nội dung vụ án: ông Danh S khởi kiện yêu cầu ông Mai Văn T giao trả số tiền vay gốc là 140.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định pháp luật kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử vụ án. Trong quá trình giải quyết ông T thừa nhận có nợ của ông S số tiền gốc là 140.000.000 đồng. Từ sự thừa nhận trên của các đương sự, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định việc giao dịch vay tài sản giữa ông S và ông T là hoàn toàn có xảy ra trên thực tế. Điều này đã được các đương sự thống nhất thừa nhận trong quá trình tố tụng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử công nhận đây là sự thật, các đương sự không cần phải có nghĩa vụ chứng minh. Do đó, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Danh S đối với ông Mai Văn T, buộc ông T có nghĩa vụ giao trả cho ông S số tiền vay gốc là 140.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi suất của số tiền vay gốc là 140.000.000 đồng, ông T không đồng ý tính lãi trên số tiền gốc là 140.000.000 đồng, vì ông cho rằng thực tế khi nhận từ ông S số tiền 140.000.000 đồng thì ông có đưa lại cho ông Lưu Văn Dòn mượn số tiền 60.000.000 đồng, đưa cho bà Hà số tiền 20.000.000 đồng, ông chỉ còn số tiền 60.000.000 đồng. Do đó, ông yêu cầu tính lãi suất trên số tiền gốc là 60.000.000 đồng. Trong quá trình chuẩn bị xét xử ông T thừa nhận trực tiếp từ ông S số tiền 140.000.000 đồng, còn việc ông T sau khi vay tiền của ông S, sau đó cho người khác vay lại là phát sinh một giao dịch khác giữa ông T và những người ông đưa tiền (theo ông T khai là đưa cho ông Lưu Văn Dòn và bà Hà), nếu các bên có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện thành vụ án khác. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu tính lãi suất trên số tiền gốc là 140.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông S yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền gốc 140.000.000 đồng tính kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử.

Xét thấy, khi vay ông S và ông T không có thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên, ông T thừa nhận có đóng cho ông S 3 tháng tiền lãi, mỗi tháng 4.000.000 đồng, ông S cho rằng ông T có đóng cho ông 2 lần tiền lãi là 4.500.000 đồng (03 tháng đóng một lần). Xét thấy, khi vay các đương sự không có thỏa thuận lãi suất, mặc dù có trả lãi nhưng không thống nhất số tiền lãi mỗi tháng đã trả là bao nhiêu. Do đó, khi phát sinh tranh chấp thì căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ

luật dân sự năm 2015 để áp dụng. Mức lãi suất được áp dụng là 10%/năm tức là 0.83%/tháng. Số tiền lãi suất được tính cụ thể như sau:

Từ ngày 18/4/2018 (dương lịch) đến ngày xét xử 10/7/2023 dương lịch: số tiền vay gốc là: 140.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 62 tháng 22 ngày = 72.896.000 đồng.

Đối với số tiền lãi đã đóng thì ông S và ông T không yêu cầu xem xét lại.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: ông Danh S không phải chịu. Buộc ông Mai Văn T phải nộp số tiền 10.644.800 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HD.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Danh S đối với ông Mai Văn T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2/. Buộc ông Mai Văn T có nghĩa vụ trả cho ông Danh S số tiền là 212.896.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

3/. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: ông Danh S không phải chịu. Buộc ông Mai Văn T phải nộp số tiền 10.644.800 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HD.

4/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho ông Danh S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Mai Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BL;
- VKSND huyện HD;
- Chi cục THADS huyện HD;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Trương Hồng Diễm